

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 43
8. Phụ lục	44 - 46

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (84-296) 3834060
- Fax : (84-296) 3834054

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau đây:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Đại Tây Dương N.V – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Đông lạnh Thủy sản Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Nhà máy Dầu cá Bột cá Ấn Độ Dương - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày,
- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm và nhà kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Chủ tịch	Ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Doãn Tới	Phó Chủ tịch	Ngày 01 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Ngày 11 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên độc lập	Ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Chủ tịch	Ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Minh Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)


Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

 **CHỦ TỊCH**
Đỗ Lập Nghiệp

Ngày 28 tháng 8 năm 2024



Số: 1.1337/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phan Vũ Công Bá****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.747.418.352.138	2.950.604.371.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.915.938.526	39.671.072.278
1. Tiền	111		27.465.938.526	33.121.072.278
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.450.000.000	6.550.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		67.465.229.436	71.923.630.137
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	67.465.229.436	71.923.630.137
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		418.567.078.642	369.116.043.577
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	403.631.920.146	358.877.524.257
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.293.596.620	20.532.918.897
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	26.126.400.790	28.323.670.962
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(42.182.718.440)	(42.315.950.065)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.697.879.526	2.697.879.526
IV. Hàng tồn kho	140		2.131.506.698.626	2.346.798.785.910
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2.147.660.838.553	2.363.664.839.934
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(16.154.139.927)	(16.866.054.024)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.963.406.908	123.094.839.338
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	18.413.103.367	20.786.484.002
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		79.550.303.541	102.308.355.336
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.164.722.319.813	2.162.065.751.899
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		44.007.775.339	32.632.443.257
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	341.656.062	461.795.593
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	43.666.119.277	32.170.647.664
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.019.220.926.915	1.031.788.418.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	289.346.258.490	324.927.270.134
- Nguyên giá	222		1.414.119.869.842	1.476.855.424.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.124.773.611.352)	(1.151.928.154.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	386.926.054.175	360.415.020.182
- Nguyên giá	225		475.495.890.638	427.728.087.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(88.569.836.463)	(67.313.067.137)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	342.948.614.250	346.446.128.137
- Nguyên giá	228		375.644.478.087	375.481.151.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.695.863.837)	(29.035.023.113)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		932.537.493.123	918.169.485.953
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	932.537.493.123	918.169.485.953
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		69.661.492.504	71.816.442.593
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	62.887.506.172	64.978.217.413
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20.304.000.000	20.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(13.530.013.668)	(13.465.774.820)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		99.294.631.932	107.658.961.643
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	87.366.984.222	95.920.727.945
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	11.927.647.710	11.738.233.698
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.912.140.671.951	5.112.670.123.139

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.065.965.176.567	2.281.110.336.484
I. Nợ ngắn hạn	310		1.931.972.765.059	2.119.420.528.715
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	182.098.708.101	173.346.839.689
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	29.583.698.037	9.980.557.401
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	34.283.247.131	44.230.928.023
4. Phải trả người lao động	314	V.18	43.590.332.572	35.021.252.723
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	11.877.641.687	8.219.155.562
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		605.837.011	1.404.669.966
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	42.543.839.208	63.115.761.649
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.587.113.982.007	1.783.706.884.397
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	275.479.305	394.479.305
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		133.992.411.508	161.689.807.769
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23	12.863.238.548	13.566.168.490
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	2.341.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	119.737.317.897	144.866.433.063
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	1.391.855.063	916.206.216
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

5-C
CÔNG TY
HỮU HẠN
TỰ V
C

016873
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM VIỆT
N-T, AN

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT


Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

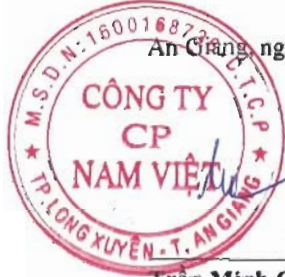
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.846.175.495.384	2.831.559.786.655
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.846.175.495.384	2.831.559.786.655
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	1.335.396.250.000	1.335.396.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	21.489.209.100	21.489.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.25	(27.587.629.848)	(27.587.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	1.516.877.666.132	1.502.261.957.403
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.502.261.957.403	1.502.261.957.403
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.615.708.729	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.912.140.671.951	5.112.670.123.139


Nguyễn Hà Thu Diễm
 Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Trần Minh Cảnh
 Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

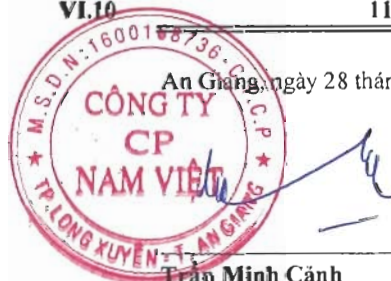
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.225.430.785.658	2.248.480.976.578
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16.009.216.949	18.988.455.912
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.209.421.568.709	2.229.492.520.666
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.960.352.949.518	1.978.012.544.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		249.068.619.191	251.479.976.226
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	15.985.829.247	16.790.453.997
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	51.846.106.879	82.634.556.110
Trong đó: chi phí lãi vay	23		48.968.008.337	75.508.236.203
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(2.090.711.241)	(1.989.053.272)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	103.243.098.570	97.244.253.424
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	44.480.457.019	41.700.854.947
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.394.074.729	44.701.712.470
12. Thu nhập khác	31	VI.8	7.750.569.349	13.451.531.704
13. Chi phí khác	32	VI.9	43.524.656.651	1.929.477.789
14. Lợi nhuận khác	40		(35.774.087.302)	11.522.053.915
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.619.987.427	56.223.766.385
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	12.718.043.863	10.585.800.205
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14, V.24	286.234.835	4.311.562.382
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.615.708.729	41.326.403.798
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		14.615.708.729	41.326.403.798
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	111	312
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	111	312



Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2024



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.619.987.427	56.223.766.385
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	55.965.086.516	59.778.108.965
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.7, V.8	4.626.439.770	8.814.501.488
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(2.334.524.832)	675.490.761
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, VI.8	(1.263.754.257)	(10.049.767.754)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	48.968.008.337	75.508.236.203
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		133.581.242.961	190.950.336.048
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.161.012.657)	52.794.824.804
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		216.004.001.381	(291.959.532.066)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		96.438.185.386	(51.511.940.502)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.927.124.358	4.759.174.954
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.20, VI.5	(49.877.399.721)	(68.598.437.644)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(24.003.464.726)	(113.447.751.593)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(119.000.000)	(84.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		341.789.676.982	(277.097.325.999)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.13, VII	(65.225.597.832)	(17.065.573.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.12, VI.8	25.558.788.076	149.887.841.375
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, V.5	(48.375.229.436)	(166.110.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V.5	53.953.769.668	330.974.391.496
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	2.272.551.314	14.340.045.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.815.718.210)	312.026.705.806

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT


Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	60.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a	1.936.854.461.357	2.388.781.623.206
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(2.152.176.766.879)	(2.276.302.176.939)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(62.864.987.541)	(73.363.426.452)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(40.351.070.525)	(127.093.473.501)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(318.538.363.588)	(27.977.453.686)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.564.404.816)	6.951.926.121
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	39.671.072.278	31.053.714.794
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		809.271.064	(51.241.148)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	31.915.938.526	37.954.399.767


Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc


GT
P
VIỆT
T. AN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tình hình kinh tế trong kỳ khó khăn ảnh hưởng đến lĩnh vực xuất khẩu cá da trơn, làm cho doanh thu xuất khẩu của Tập đoàn kỳ này sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận kỳ này giảm chủ yếu do Tập đoàn phải hoàn trả tiền ưu đãi được hưởng của năm 2020.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (đầu năm có 07 công ty con). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6b. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50% (số đầu năm là 50%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Tập đoàn và Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau, về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	559.751.945	325.497.293
Tiền gửi ngân hàng	26.906.186.581	32.795.574.985
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	4.450.000.000	6.550.000.000
Cộng	31.915.938.526	39.671.072.278

Các khoản tương đương tiền đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền là 65.265.229.436 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank, Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank, Ngân hàng Malayan Banking Berhad, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.21) và Công ty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	69.240.000.000	69.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(6.352.493.828)	(4.261.782.587)
Cộng	<u>62.887.506.172</u>	<u>64.978.217.413</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 69.240.000.000 VND tương đương 50% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	64.978.217.413	69.001.451.300
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	(2.090.711.241)	(1.989.053.272)
Số cuối kỳ	<u>62.887.506.172</u>	<u>67.012.398.028</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt hoạt động bình thường.

Giao dịch với công ty liên doanh

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thi công công trình	-	5.813.840.604
Doanh thu cho thuê	171.870.372	168.387.097
Doanh thu bán thành phẩm	8.307.651.000	3.266.580.500
Doanh thu khác	-	3.049.080
Mua nguyên liệu	923.732.947	-
Chi phí lò hơi	333.140.280	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 2.030.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa, chiếm tỷ lệ 5,08% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	13.465.774.820	13.152.128.363
Trích lập dự phòng bổ sung	64.238.848	524.055.082
Số cuối kỳ	<u>13.530.013.668</u>	<u>13.676.183.445</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	4.912.616.037	7.432.565.138
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	4.175.856.521	6.885.852.188
Công ty TNHH Đại Tây Dương	736.759.516	546.712.950
Phải thu các khách hàng khác	398.719.304.109	351.444.959.119
Các khách hàng nước ngoài	337.371.704.294	303.041.043.225
Các khách hàng trong nước	61.347.599.815	48.403.915.894
Cộng	403.631.920.146	358.877.524.257

Khoản phải thu có giá trị 180.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	877.417.750	479.841.150
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	11.071.328.105	1.098.425.939
Các nhà cung cấp trong nước khác	16.344.850.765	18.954.651.808
Cộng	28.293.596.620	20.532.918.897

5. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	464.992.961	(44.099.000)	2.911.735.867	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	522.280.301	-	1.212.475.710	-
Tiền lãi cho vay	4.043.710	-	129.001.251	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.590.875.137	-	5.224.360.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.544.208.681	(1.177.234.550)	18.846.098.134	(948.917.674)
Cộng	26.126.400.790	(1.221.333.550)	28.323.670.962	(948.917.674)

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.558.885.277	-	32.043.413.664	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	107.234.000	-	127.234.000	-
Cộng	43.666.119.277	-	32.170.647.664	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng		49.274.728.747		56.622.966.111
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	3.917.309.000	2.742.116.300	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.485.540.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	40.154.895.000	6.920.167.320	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	47.478.182.400
Quá hạn trên 03 năm	5.202.524.747	-	Quá hạn trên 03 năm	7.659.243.711
Phải thu khác	4.193.513.076	1.623.239.763	977.133.550	816.876
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	20.000.000	14.000.000	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	3.217.879.526	1.608.939.763	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.000.000	300.000	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	2.722.920
Quá hạn trên 03 năm	954.633.550	-	Quá hạn trên 03 năm	974.410.630
Cộng	53.468.241.823	11.285.523.383	57.600.999.661	15.284.149.596

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	42.315.950.065	35.961.101.308
Trích lập dự phòng bổ sung	5.274.115.019	5.597.291.009
Xử lý xóa sổ	(5.407.346.644)	-
Số cuối kỳ	42.182.718.440	41.558.392.317

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.999.517.500	-	3.866.463.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	504.083.632.527	-	427.761.279.779	-
Công cụ, dụng cụ	10.295.156.021	-	4.666.634.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	670.738.089.111	-	948.001.566.814	-
Thành phẩm	900.857.066.535	(15.632.824.603)	970.947.563.384	(16.866.054.024)
Hàng gửi đi bán	56.687.376.859	(521.315.324)	8.421.332.093	-
Cộng	2.147.660.838.553	(16.154.139.927)	2.363.664.839.934	(16.866.054.024)

Hàng tồn kho có trị giá 434.366.854.445 VND (số đầu năm là 362.592.707.016 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh số V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	16.866.054.024	8.775.128.007
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(711.914.097)	2.693.155.397
Giảm do hủy hàng hóa kém phẩm chất	-	(195.597.873)
Số cuối kỳ	16.154.139.927	11.272.685.531

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	267.183.334	1.068.733.335
Công cụ, dụng cụ	3.020.991.660	3.333.019.707
Chi phí sửa chữa	6.890.823.162	8.706.003.914
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.234.105.211	7.678.727.046
Cộng	18.413.103.367	20.786.484.002

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	51.588.392.181	52.347.406.262
Công cụ, dụng cụ	853.417.353	1.499.033.681
Chi phí sửa chữa	11.868.431.833	14.796.477.387
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	16.898.937.904	17.582.276.994
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.157.804.951	9.695.533.621
Cộng	87.366.984.222	95.920.727.945

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 73.074.592.935 VND (số đầu năm là 76.017.193.995 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	427.728.087.319	-	427.728.087.319
Thuê tài chính trong kỳ	29.491.800.725	19.929.937.119	49.421.737.844
Tạm nhập tài sản chờ giải ngân	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(4.353.934.525)	-	(4.353.934.525)
Số cuối kỳ	452.865.953.519	22.629.937.119	475.495.890.638
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	67.313.067.137	-	67.313.067.137
Khấu hao trong kỳ	21.228.280.134	910.298.712	22.138.578.846
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(881.809.520)	-	(881.809.520)
Số cuối kỳ	87.659.537.751	910.298.712	88.569.836.463
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	360.415.020.182	-	360.415.020.182
Số cuối kỳ	365.206.415.768	21.719.638.407	386.926.054.175

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	375.200.160.250	280.991.000	375.481.151.250
Đầu tư XDCB hoàn thành	173.937.057	-	173.937.057
Giảm do Nhà nước thu hồi	(10.610.220)	-	(10.610.220)
Số cuối kỳ	375.363.487.087	280.991.000	375.644.478.087
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	28.754.032.113	280.991.000	29.035.023.113
Khấu hao trong kỳ	3.660.840.724	-	3.660.840.724
Số cuối kỳ	32.414.872.837	280.991.000	32.695.863.837
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	346.446.128.137	-	346.446.128.137
Số cuối kỳ	342.948.614.250	-	342.948.614.250
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 133.678.585.970 VND (số đầu năm là 134.901.213.499 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.21).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	80.543.898.296	1.874.815.887	(2.248.542.437)	-	80.170.171.746
<i>Thuê tài chính trong kỳ</i>	9.954.351.000	10.873.600.000	(9.181.500.000)	-	11.646.451.000
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	827.464.379.377	25.482.257.512	(7.421.158.026)	(6.899.664.438)	838.625.814.425
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	600.637.554.836	18.731.676.133	(2.569.365.849)	(100.541.952)	616.699.323.168
Tiền mua đất ⁽¹⁾	582.130.326.997	6.990.089.732	-	-	589.120.416.729
<i>Chi phí xây dựng các hạng mục công trình</i>	18.429.470.829	730.213.056	-	-	19.159.683.885
<i>Chi phí đào ao</i>	77.757.010	11.011.373.345	(2.569.365.849)	(100.541.952)	8.419.222.554
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản khác - Đất	209.719.514.185	663.960	(173.937.057)	(117.486.434)	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.515.061.280	434.089.301	(108.814.463)	-	2.840.336.118
Nhà máy chế biến thức ăn	496.818.282	1.817.029.821	-	(318.813.902)	1.995.034.201
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	6.087.866.000	-	-	(6.087.866.000)	-
Các hạng mục khác	8.007.564.794	4.498.798.297	(4.569.040.657)	(274.956.150)	7.662.366.284
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	206.857.280	3.170.934.589	-	(1.282.735.917)	2.095.055.952
Cộng	918.169.485.953	41.401.607.988	(18.851.200.463)	(8.182.400.355)	932.537.493.123

⁽¹⁾ Tập đoàn mua lại quyền sử dụng đất của các hộ dân. Quyền sử dụng đất đã chuyển sang tên của các cá nhân được Tập đoàn ủy quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do giao dịch bán hàng tồn kho trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	11.738.233.698	15.660.070.362
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	189.414.012	(3.906.836.664)
Số cuối kỳ	<u>11.927.647.710</u>	<u>11.753.233.698</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% - 20%.

14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	22.089.697.983	16.725.816.528
Lỗ tính thuế năm 2023 ⁽ⁱⁱ⁾	109.206.099.302	131.190.298.947
Cộng	<u>131.295.797.285</u>	<u>147.916.115.475</u>

- (i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

Chi tiết lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2023	16.725.816.528
6 tháng đầu năm 2024	5.363.881.455
Cộng	<u>22.089.697.983</u>

- (ii) Lỗ tính thuế năm 2023 đã được điều chỉnh theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>14.237.986.437</u>	<u>55.678.097.147</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	14.237.986.437	15.664.097.147
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	-	14.000.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	-	40.000.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	<u>167.860.721.664</u>	<u>117.668.742.542</u>
Các nhà cung cấp trong nước	152.387.004.390	95.502.065.064
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	14.826.112.489	20.295.800.434
Các nhà cung cấp nước ngoài	647.604.785	1.870.877.044
Cộng	<u>182.098.708.101</u>	<u>173.346.839.689</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	6.134.766.260	3.621.451.536
Các khách hàng nước ngoài	23.448.931.777	6.359.105.865
Cộng	29.583.698.037	9.980.557.401

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.008.381.601	22.919.546.386	(17.253.097.628)	7.674.830.359
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.599.619	(27.599.619)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	16.241.707	(16.241.707)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	37.608.992.666	12.718.043.863	(24.003.464.726)	26.323.571.803
Thuế thu nhập cá nhân	4.480.641.090	3.355.270.353	(7.612.174.164)	223.737.279
Thuế tài nguyên	12.396.000	61.075.914	(60.570.890)	12.901.024
Tiền thuê đất	120.516.666	-	(72.310.000)	48.206.666
Thuế môn bài	-	24.000.000	(24.000.000)	-
Cộng	44.230.928.023	39.121.777.842	(49.069.458.734)	34.283.247.131

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	08 - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

- (*) Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương do bị Cục thuế Thành phố Cần Thơ truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2019 đến năm 2022 và tự khai bổ sung theo tờ khai thuế thu nhập năm 2023 do cơ quan thuế không chấp nhận cho đơn vị được hưởng ưu đãi thuế đối với hoạt động gia công thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nam Việt	18.709.610	(770.630.100)
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	3.756.120.736	2.875.271.933
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	41.321.764	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	3.336.265.912	9.455.566
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	429.721.012	523.537
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	471.418.869	336.359
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	-	14.686.260
Công ty TNHH MTV Bất động sản Nam Việt	-	22.171.855
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	4.664.485.960	8.433.984.795
Cộng	12.718.043.863	10.585.800.205

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m³ x 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. **Phải trả người lao động**
Lương còn phải trả nhân viên.

19. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.418.364.234	3.265.686.467
Chi phí cước tàu	2.166.369.580	304.517.400
Chi phí hoa hồng môi giới	5.684.349.656	4.190.688.403
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	608.558.217	458.263.292
Cộng	11.877.641.687	8.219.155.562

20. **Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.279.947.369	38.802.457.895
Ông Doãn Tới - cổ tức phải trả	829.947.369	38.068.157.895
Ông Nguyễn Văn Vỹ - cổ tức phải trả	450.000.000	450.000.000
Ông Doãn Chí Thiên - cổ tức phải trả	-	60.000.000
Ông Doãn Quốc Hội - cổ tức phải trả	-	20.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - cổ tức phải trả	-	204.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	41.263.891.839	24.313.303.754
Lãi vay phải trả	575.199.654	1.637.268.805
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	10.673.478.697	13.232.230.191
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.880.330.000	1.755.330.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.064.490.398	4.893.050.397
Tiền hưởng ưu đãi năm 2020 phải hoàn lại	23.000.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.070.393.090	2.795.424.361
Cộng	42.543.839.208	63.115.761.649

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán..

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.466.148.038.959	1.677.300.344.483
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	457.519.814.273	579.043.346.657
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	289.055.068.448	205.832.831.122
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ^(c)	209.095.820.546	197.176.498.440
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	5.150.000.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	-	4.339.150.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam	-	63.341.438.797
Vay Ngân hàng TNHH CTBC ^(d)	39.063.461.155	69.155.764.312
Vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam ^(e)	23.064.747.525	60.056.829.142
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội ^(f)	94.742.576.661	103.499.425.615
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(g)	42.605.386.931	98.125.494.743
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(h)	32.812.106.097	93.123.207.451
Vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad ⁽ⁱ⁾	179.522.013.158	179.718.014.335
Vay Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank ^(j)	98.667.044.165	18.738.343.869
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.834.308.210	2.940.308.210
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	1.936.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	10.833.333.329	10.833.333.329
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	106.362.301.509	92.632.898.375
Cộng	1.587.113.982.007	1.783.706.884.397

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).
- (c) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ bảo lãnh (xem thuyết minh số VIII.1a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (i) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 01 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1).
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền đòi nợ hình thành từ vốn vay của Tập đoàn.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2) và bảo lãnh cá nhân của Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mẹ (xem thuyết minh số VIII.1a).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3) của Tập đoàn
- (i) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2).
- (j) Khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh V.2) và được Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo lãnh (xem thuyết minh số VIII.1a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	11.666.666.682	16.666.666.680
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ⁽ⁱ⁾	11.666.666.682	16.666.666.680
Vay dài hạn cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	150.000.000	150.000.000
Nợ thuê tài chính	107.920.651.215	128.049.766.383
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	28.374.427.731	38.392.803.489
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn	17.830.056.760	21.349.545.514
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	7.557.162.098	13.428.082.388
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	41.596.338.625	50.513.616.909
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV -Sumi Trust để mua sắm tài sản cố định	12.562.666.001	4.365.718.083
Cộng	<u>119.737.317.897</u>	<u>144.866.433.063</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để tái tài trợ lên đến 60% chi phí mua thiết bị, dụng cụ, chi phí xây dựng và các chi phí mềm khác liên quan đến 8 cụm điện mặt trời với tổng công suất 08MW với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các khoản phải thu từ EVN và người mua điện, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2), tài sản cố định được tài trợ thuộc sở hữu bởi bên vay (xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	22.500.000.011	10.833.333.329	11.666.666.682	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	150.000.000	-
Nợ thuê tài chính	214.282.952.724	106.362.301.509	107.920.651.215	-
Cộng	236.932.952.735	117.195.634.838	119.737.317.897	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	27.500.000.009	10.833.333.329	16.666.666.680	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	150.000.000	-
Nợ thuê tài chính	220.682.664.758	92.632.898.375	128.049.766.383	-
Cộng	248.332.664.767	103.466.231.704	144.866.433.063	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	16.666.666.680	-	-	(4.999.999.998)	11.666.666.682
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	128.049.766.383	56.465.275.507	(15.371.386.199)	(61.223.004.476)	107.920.651.215
Cộng	144.866.433.063	56.465.275.507	(15.371.386.199)	(66.223.004.474)	119.737.317.897

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	230.848.145	(119.000.000)	111.848.145
Cộng	394.479.305	(119.000.000)	275.479.305

23. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh do giao dịch với công ty liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	916.206.216	88.382.403
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	475.648.847	404.725.718
Số cuối kỳ	1.391.855.063	493.108.121

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	709.990.000	709.990.000
Các cổ đông khác	440.918.760.000	440.918.760.000
Cộng	1.331.278.750.000	1.331.278.750.000

25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	133.539.625	133.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	133.539.625	133.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	133.539.625	133.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	133.127.875	133.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	133.127.875	133.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 73/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ đã thông qua việc chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 5%/ mệnh giá, tương đương số tiền là 66.563.937.500 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do chưa có Thông báo chi trả cổ tức chính thức của Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

25e. Phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 107/NQ.ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 73/NQ.ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 154/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của công ty mẹ, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ như sau:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 133.127.875 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 133.127.875 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành tính theo mệnh giá: 1.331.278.750.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tỷ lệ phát hành: 100%
- Nguồn vốn phát hành: từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành thêm cổ phiếu: 2.666.675.000.000 VND
- Thời gian thực hiện: dự kiến trong vòng 45 ngày kể từ khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận đầy đủ tài liệu phát hành của doanh nghiệp.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

26a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	302.842,57	831.897,93
Euro (EUR)	2.889,53	2.909,02
Dollar Úc (AUD)	6.258,32	963,60
Rub Nga (RUB)	6.445,47	6.445,47

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.718.414,85	188.579.975.866	9.429.672,13	182.038.120.299
Khách hàng trong nước		21.844.921.197		21.714.875.400
Cộng		210.424.897.063		203.752.995.699

Nguyên nhân xóa số: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	2.162.103.580.503	2.179.525.095.566
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	57.884.425.309	56.798.060.332
Doanh thu thi công công trình xây lắp	1.615.929.150	3.108.798.022
Doanh thu khác	3.826.850.696	9.049.022.658
Cộng	2.225.430.785.658	2.248.480.976.578

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh. Tập đoàn chỉ phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Đại Tây Dương là bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	4.914.655.443	7.159.951.130
Doanh thu khác	-	61.171.546

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	14.541.284.735	11.843.431.623
Giảm giá hàng bán	1.467.932.214	7.145.024.289
Cộng	16.009.216.949	18.988.455.912

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.938.389.108.180	1.943.932.872.061
Giá vốn của điện năng lượng mặt trời	16.106.320.490	18.030.171.401
Giá vốn thi công công trình xây lắp	912.999.208	2.191.103.120
Giá vốn khác	5.656.435.737	11.164.432.492
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(711.914.097)	2.693.965.366
Cộng	1.960.352.949.518	1.978.012.544.440

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.382.588.587	11.254.713.957
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.412.351	23.723.388
Lãi tiền cho vay	74.809.777	206.861.614
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.887.221.186	5.058.870.977
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.334.524.832	-
Lãi bán hàng trả chậm	1.156.897.985	142.718.234
Doanh thu hoạt động tài chính khác	135.374.529	103.565.827
Cộng	15.985.829.247	16.790.453.997

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	48.968.008.337	75.508.236.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.721.513.110	5.847.679.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	675.490.761
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	64.238.848	524.055.082
Chi phí tài chính khác	92.346.584	79.094.636
Cộng	51.846.106.879	82.634.556.110

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.250.645.206	3.452.962.585
Chi phí vật liệu, bao bì	94.334.600	93.527.275
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	330.785.936	183.159.421
Chi phí hoa hồng	19.161.048.212	16.435.337.216
Chi phí vận chuyển	53.489.468.021	55.157.686.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.924.913.451	19.768.291.612
Các chi phí khác	2.991.903.144	2.153.288.607
Cộng	103.243.098.570	97.244.253.424

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.094.284.158	20.546.832.738
Chi phí vật liệu quản lý	647.562.352	516.937.954
Chi phí đồ dùng văn phòng	368.712.229	389.448.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.344.009.773	2.361.781.118
Thuế, phí và lệ phí	2.140.321.367	2.752.070.266
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.274.115.019	5.597.291.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.375.231.646	1.968.255.261
Các chi phí khác	7.236.220.475	7.568.237.973
Cộng	44.480.457.019	41.700.854.947

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.897.067.134	577.245.455
Thu bồi thường	2.611.473.043	5.626.074.612
Xử lý kiểm kê thừa	-	3.518.840.250
Xử lý công nợ tồn lâu	2.030.986.390	1.668.025.030
Thu nhập khác	1.211.042.782	2.061.346.357
Cộng	7.750.569.349	13.451.531.704

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Truy thu, chậm nộp thuế	1.155.054.194	979.797.236
Phạt vi phạm hành chính	-	800.000.000
Xử lý công nợ tồn lâu	17.597.525.143	-
Hoàn trả tiền ưu đãi được hưởng năm 2020	23.000.000.000	-
Chi phí khác	1.772.077.314	149.680.553
Cộng	43.524.656.651	1.929.477.789

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	14.615.708.729	41.326.403.798
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(400.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.615.708.729	40.926.403.798
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	131.238.372	131.238.372
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	111	312

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu (*)	998.027.636.241	1.456.335.768.876
Chi phí nhân công	317.967.617.899	339.904.220.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.965.086.516	59.662.617.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.375.426.959	334.053.174.768
Chi phí khác	40.852.581.133	46.677.365.581
Cộng	1.812.188.348.748	2.236.633.147.142

(*) Số liệu kỳ trước đã được điều chỉnh lại loại trừ các chi phí nguyên vật liệu mua nội bộ.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	51.113.837.844	142.042.370.227
Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	4.455.437.663	11.407.477.903
Tạm nhập tài sản thuê tài chính chưa giải ngân	2.700.000.000	896.000.000
Nhận nợ thuê tài chính cho tài sản nhập kỳ trước	896.000.000	-

Số dư các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	7.125.583.897	46.632.961.293
Ứng trước mua tài sản	3.283.284.180	5.178.548.990

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng) Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Tập đoàn đi vay	-	35.690.000.000
Lãi vay	-	6.685.875.377
Các thành viên chủ chốt		
Tạm ứng	7.351.573.203	2.941.100.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng United Overseas Bank và Ngân hàng Đại chúng TNHH KasikornBank (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15 và V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ

	Cộng thu nhập
Kỳ này	
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	561.316.000
Ông Doãn Tới - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	110.864.000
Bà Nguyễn Thị Minh Ý - Thành viên độc lập - Kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị - Kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	277.240.000
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	567.316.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng ban kiểm toán nội bộ	150.229.000
Ông Dương Minh Phong - Thành viên ban kiểm toán nội bộ	83.982.000
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	50.864.000
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	501.316.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	501.316.000
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	225.745.077
Cộng	3.030.188.077

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng thu nhập

Kỳ trước

Ông Đỗ Lập Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	400.791.550
Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	242.814.550
Bà Dương Thị Kim Hương - Phó Tổng Giám đốc	55.356.923
Ông Trần Minh Cảnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	394.340.669
Ông Nguyễn Văn Vỹ - Phó Tổng Giám đốc	217.538.923
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Phó Tổng Giám đốc	212.898.923
Ông Nguyễn Văn Dương - Giám đốc Tài chính - Miễn nhiệm ngày 15/06/2023	244.429.923
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị - Kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán	295.077.923
Bà Nguyễn Hà Thu Diễm - Kế toán trưởng	220.856.755
Bà Nguyễn Thị Minh Ý - Thành viên độc lập - Kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	60.000.000
Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng ban kiểm toán nội bộ	169.045.923
Ông Dương Minh Phong - Thành viên ban kiểm toán nội bộ	92.175.923
Cộng	2.605.327.985

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập (không còn là bên liên quan từ tháng 02 năm 2024)
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi	Công ty do Phó Tổng Giám đốc thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho, tiền điện	40.731.525.062	27.247.434.514
Phí sử dụng hạ tầng, xử lý nước thải	561.723.802	380.610.240
Mua vật tư	-	31.836.580
Mua tài sản	267.370.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Mua dịch vụ khác	-	38.181.816
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 Núi		
Mua sản phẩm, vật tư	25.986.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Số liệu so sánh

Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2019 đến năm 2023 do cơ quan thuế không chấp thuận Tập đoàn được hưởng thuế suất ưu đãi. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh thuế đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Nợ ngắn hạn	310	2.103.113.559.761	16.306.968.954	2.119.420.528.715
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	27.923.959.069	16.306.968.954	44.230.928.023
Vốn chủ sở hữu	410	2.847.866.755.609	(16.306.968.954)	2.831.559.786.655
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.518.568.926.357	(16.306.968.954)	1.502.261.957.403

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

3a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:


	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	1.279.907.499.614	1.431.143.465.084
Trong nước	929.514.069.095	798.349.055.582
Cộng	2.209.421.568.709	2.229.492.520.666

3b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản với tỷ trọng doanh thu chiếm hơn 97% (cùng kỳ năm trước 97%).

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập/Kế toán trưởng

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số đầu năm	369.467.416.058	833.568.322.878	144.312.728.891	16.987.644.841	112.519.311.483	1.476.855.424.151	
Mua trong kỳ	-	2.540.369.188	-	4.358.794.420	617.256.442	7.516.420.050	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.481.861.600	1.765.359.369	-	-	-	7.247.220.969	
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	4.353.934.525	-	-	-	4.353.934.525	
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	(71.338.557.341)	(10.433.754.330)	(80.818.182)	-	(81.853.129.853)	
Số cuối kỳ	374.949.277.658	770.889.428.619	133.878.974.561	21.265.621.079	113.136.567.925	1.414.119.869.842	
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	230.647.247.995	468.554.247.941	39.989.559.679	7.569.000.417	27.683.503.157	774.443.559.189	
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	312.110.106.031	677.044.136.914	94.854.451.616	13.057.406.809	54.862.052.647	1.151.928.154.017	
Khấu hao trong kỳ	5.645.352.843	14.016.052.838	6.305.418.236	795.446.768	3.403.396.261	30.165.666.946	
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	881.809.520	-	-	-	881.809.520	
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.975.211.164)	(6.145.989.785)	(80.818.182)	-	(58.202.019.131)	
Số cuối kỳ	317.755.458.874	639.966.788.108	95.013.880.067	13.772.035.395	58.265.448.908	1.124.773.611.352	
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	57.357.310.027	156.524.185.964	49.458.277.275	3.930.238.032	57.657.258.836	324.927.270.134	
Số cuối kỳ	57.193.818.784	130.922.640.511	38.865.094.494	7.493.585.684	54.871.119.017	289.346.258.490	
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	



Nguyễn Hà Thu Diễm
 Kế toán trưởng/Người lập



Trần Minh Cảnh
 Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.677.300.344.483	1.933.474.461.357	-	(2.144.626.766.881)	1.466.148.038.959
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.940.308.210	3.380.000.000	-	(2.550.000.000)	3.770.308.210
Vay dài hạn đến hạn trả	10.833.333.329	-	4.999.999.998	(4.999.999.998)	10.833.333.329
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	92.632.898.375	-	61.223.004.476	(47.493.601.342)	106.362.301.509
Cộng	1.783.706.884.397	1.936.854.461.357	66.223.004.474	(2.199.670.368.221)	1.587.113.982.007

Nguyễn Hà Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.612.905.156.247	2.882.202.985.499
Điều chỉnh do thay đổi thuế suất thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(14.509.626.709)	(14.509.626.709)
Số dư đầu năm trước được trình bày lại trong kỳ trước	1.275.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.598.395.529.538	2.867.693.358.790
Phát hành cổ phiếu trong kỳ trước	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	41.326.403.798	41.326.403.798
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.639.321.933.336	2.968.619.762.588
Số dư đầu năm nay	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.502.261.957.403	2.831.559.786.655
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	14.615.708.729	14.615.708.729
Số dư cuối kỳ này	1.335.396.250.000	21.489.209.100	(27.587.629.848)	1.516.877.666.132	2.846.175.495.384

Đơn vị tính: VND

Nguyễn Thị Thu Diễm
Kế toán trưởng/Người lập

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM VIỆT

TP. LONG XUYẾN, TỈNH AN GIANG

M.S.D.N: 1600168736

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM VIỆT

TP. LONG XUYẾN, TỈNH AN GIANG

M.S.D.N: 1600168736

Số: 864 /CV-KTTC

An Giang, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước, chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất trước và sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước, chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất trước và sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 như sau:

1. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đạt 14,6 tỷ đồng, giảm 26,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đạt 2.209 tỷ đồng, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp giảm 2,4 tỷ tương đương giảm 1% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí khác tăng do công ty con phải hoàn trả tiền ưu đãi đầu tư được hưởng năm 2020, đây cũng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 giảm.

2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 trước và sau kiểm toán chênh lệch 19,8 tỷ đồng, tương đương 57,5%, nguyên nhân như sau:

- Công ty con phải hoàn trả tiền ưu đãi đầu tư được hưởng năm 2020 vào tháng 07/2024.
- Công ty con điều chỉnh hồi tố thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2024, do cơ quan thuế không chấp nhận cho công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với hoạt động gia công thủy sản.



3. Giải trình điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023.

Năm 2024, Cơ quan thuế đã tiến hành thanh tra thuế công ty con của chúng tôi thời kỳ năm 2019 đến năm 2022 và Cơ quan thuế không chấp nhận cho công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với hoạt động gia công thủy sản đông lạnh.

Vì vậy, Công ty con của chúng tôi phải nộp bổ sung tiền thuế thu nhập doanh nghiệp và đã điều chỉnh hồi tố thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2019 đến năm 2023 vào báo cáo tài chính năm 2023. Dẫn đến, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 cũng thay đổi.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Nợ ngắn hạn	310	2.103.113.559.761	16.306.968.954	2.119.420.528.715
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	27.923.959.069	16.306.968.954	44.230.928.023
Vốn chủ sở hữu	410	2.847.866.755.609	(16.306.968.954)	2.831.559.786.655
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.518.568.926.357	(16.306.968.954)	1.502.261.957.403

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

